UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **BAN DÂN TỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 465/BC-BDT	*Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 7 năm 2022*

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Căn cứ Báo cáo số 93/BC-HĐND ngày 30/6/2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Ban Dân tộc tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

1. Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết

*a) Tại phần trích yếu, đề nghị bỏ cụm từ "trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương" và bổ sung từ **"vốn"**, chỉnh sửa thành "Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn **vốn** ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025" để phù hợp với quy định của điểm a khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.*

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, điều chỉnh trích yếu dự thảo Nghị quyết như sau: "Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025".

*b) Tại khoản 2 Điều 2, đề nghị bổ sung cụm từ "và đại biểu", chỉnh sửa thành "Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu **và đại biểu** Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này", vì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cũng thực hiện chức năng*

giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, bổ sung vào dự thảo và chỉnh sửa thành: "2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này."

2. Đối với nội dung Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị bỏ cụm từ "Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025" và các nội dung tương tự ở phần ghi chú số lượng (a, b, ...) của các Dự án, Tiểu dự án và thay thế bằng cụm từ "căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương".

Ban Dân tộc tỉnh đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.

b) Tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6, đề nghị làm rõ cơ sở quy định các tiêu chí đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng và đối với dự án có quy mô vốn đầu tư trên 01 tỷ đồng (khác với tiêu chí tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Phụ lục II Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Ngoài ra, đề nghị làm rõ cùng một đơn vị là số lượng nhưng quy định (a) là số dự án, (b) là tổng số vốn; sự phù hợp và tính chính xác trong việc đưa ra ví dụ trong nội dung Quy định tại Điều này.

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu và xin điều chỉnh tiêu chí tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 để làm rõ hơn các tiêu chí, cụ thể như sau:

- Đối với điểm b khoản 1 Điều 6:

"b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số vốn đầu tư của các dự án	Tổng số điểm
1	Đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng	10	a		10 x a
2	Đối với dự án có quy mô vốn đầu tư trên 01 tỷ đồng	10		b	10 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)				

Số lượng: (a) là số dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng; Tổng số vốn đầu tư của các dự án (b) là tổng số vốn đầu tư *(đơn vị tính là tỷ đồng và lấy 01 chữ số thập phân)* của tất cả các dự án có quy mô vốn đầu tư trên 01 tỷ đồng (giá trị a và b căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương)."

- Đối với điểm b khoản 2 Điều 6:

"b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số vốn sự nghiệp của các dự án	Tổng số điểm
1	Đối với dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng	0,1	a		10 x a
2	Đối với dự án có quy mô vốn sự nghiệp trên trên 10 triệu đồng	0,1		b	10 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)				

Số lượng: (a) là số dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng; Tổng vốn sự nghiệp của các dự án (b) là tổng số vốn đầu tư *(đơn vị tính là triệu đồng và lấy 01 chữ số thập phân)* của tất cả các dự án có quy mô vốn sự nghiệp trên 10 triệu đồng (giá trị a và b căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương)."

c) Theo Quyết định số 1081/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì không phân khai kinh phí sự nghiệp cho tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Dự án 2. Đề nghị làm rõ dự kiến việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2 của các năm tiếp theo của giai đoạn 2021 - 2025, nếu không có phân bổ thì đề nghị bỏ nội dung này trong Quy định.

Tại phương án đề xuất giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 của Ủy ban Dân tộc tại Công văn số 722/UBDT-CTMTQG ngày 15/5/2022 thì dự kiến tỉnh Quảng Ngãi được phân bổ 11,060 tỷ đồng vốn sự nghiệp để thực hiện Dự án 2 của Chương trình này *(phân kỳ đầu tư trong năm 2024 và 2025)*. Vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh đề nghị giữ nguyên tiêu chí này trong dự thảo Quy định.

d) Tại điểm b khoản 1 Điều 7, đề nghị làm rõ cơ sở phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 100% vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1 của Dự án 3, có đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Việc phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 100% vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1 của Dự án 3 dựa trên cơ sở phân công nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và dự kiến phân công nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 của UBND tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Tại điểm a khoản 2 Điều 7, đề nghị làm rõ cơ sở phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh 100% tổng số vốn đầu tư của Tiểu dự án 2 để thực hiện Nội dung 2, có đúng với điểm 2.1 khoản 2 Phụ lục III Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của

Thủ tướng Chính phủ, vì vốn đầu tư cho Tiểu dự án 2 chứ không phải vốn đầu tư cho Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

Theo dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện nội dung này của Bộ Y tế *(Ban Dân tộc tỉnh mới nhận được ngày 28/6/2022)* thì Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý vốn thực hiện hoạt động đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. Vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh đề nghị phân bổ nguồn vốn này cho huyện Trà Bồng (*vì nội dung hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo đăng ký của UBND tỉnh với Trung ương chỉ có dự án trồng dược liệu là cây quế ở huyện Trà Bồng)*.

Ban Dân tộc tỉnh xin điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

"a) Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ cho huyện Trà Bồng 100% tổng số vốn đầu tư của Tiểu dự án 2."

e) Tại điểm b khoản 2 Điều 7, đề nghị làm rõ cơ sở phân bổ vốn sự nghiệp; đồng thời, làm rõ việc không phân bổ vốn cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh và Hội Nông dân tỉnh thực hiện nội dung phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp đầu tư.

- Việc phân bổ vốn sự nghiệp tại điểm b khoản 2 Điều 7 được căn cứ trên cơ sở nhiệm vụ của các Bộ ngành Trung ương tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và dự kiến phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, UBND các huyện liên quan thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 3 tại dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 của UBND tỉnh. Ban Dân tộc tỉnh đề nghị phân bổ cho huyện Trà Bồng 100% vốn sự nghiệp để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

- Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, bổ sung phân bổ vốn sự nghiệp cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh và Hội Nông dân tỉnh thực hiện nội dung phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp đầu tư với tỷ lệ phân bổ không quá 02% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2 – Dự án 3.

g) Tại điểm b khoản 1 Điều 8, đề nghị làm rõ việc không đưa vào các tiêu chí số 11, 12 quy định tại tiết b điểm 1.1 khoản 1 Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với tiêu chí 11 điểm b khoản 1.1 của Tiểu dự án 1 tại Phụ lục IV Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg: Đây là tiêu chí về công trình cầu giao thông kết nối xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn. Tỉnh Quảng Ngãi không có xã biên giới; đối với các xã khu vực III, hiện nay giữa các xã này đã được đầu tư đường giao thông. Đối với các thôn đặc biệt khó khăn thì các công trình giao thông chủ yếu là công trình liên thôn, có quy mô nhỏ nên đề xuất áp dụng suất đầu tư chung của công trình giao thông nông thôn.

- Đối với tiêu chí 12 điểm b khoản 1.1 của Tiểu dự án 1 tại Phụ lục IV Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg: Đây là tiêu chí về công trình hạ tầng điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn. Hiện nay, vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh hầu hết đã được đầu tư công trình điện đến cấp thôn, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt cao.

h) Tại điểm a khoản 1 Điều 9, đề nghị làm rõ cơ sở phân bổ vốn đầu tư cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 20% tổng số vốn đầu tư của Tiểu dự án 1, Dự án 5.

Theo báo cáo giám sát của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, cơ sở vật chất và thiết bị của các trường phổ thông dân tộc bán trú đã được thành lập và được phép hoạt giáo dục theo mô hình bán trú vẫn còn thiếu phòng học, phòng bộ môn; thiếu nhà ở nội trú hoặc phòng ở nội trú, phòng trực nội trú, các công trình phục vụ cho quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng; thiếu các dụng cụ, thiết bị phục vụ giáo dục văn hóa dân tộc, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí cho học sinh bán trú,... Hiện nay, cấp huyện quản lý trường phổ thông dân tộc nội trú (6 trường), trường phổ thông dân tộc bán trú (28 trường) và trường phổ thông có học sinh ở bán trú (cấp 1 và cấp 2), ***nên Ban Dân tộc HĐND tỉnh đề nghị phân bổ vốn đầu tư cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10% tổng số vốn đầu tư của Tiểu dự án 1 để phù hợp với tình hình thực tế và*** *quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.*

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu và điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10% tổng số vốn đầu tư của Tiểu dự án 1.

i) Tại điểm b khoản 1 Điều 9, đề nghị làm rõ cơ sở phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1. Đồng thời, đề nghị làm rõ công tác xóa mù chữ hiện nay trên địa bàn các huyện miền núi như thế nào.

Cơ quan soạn thảo căn cứ nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo được giao tại Công văn số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào hướng dẫn thực triển khai thực hiện Tiểu dự án 1- Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg và dự kiến phân công nhiệm vụ Sở Giáo dục và Đào tạo tại dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 của UBND tỉnh để đề xuất phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1- Dự án 5.

Đối với công tác xóa mù chữ hiện nay trên địa bàn các huyện miền núi: theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tại báo cáo số 512/BC-SGDĐT ngày 13/5/2022 thì kết quả thực hiện xóa mù chữ trên địa bàn các huyện miền núi như sau: Có 4/5 huyện đạt mức độ 1; 1/5 huyện đạt mức độ 2. Cụ thể các tiêu chí: Số người trong độ tuổi 15-25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ theo mức độ 1 là 98,74%, mức độ 2 là 98,09%. Số người trong độ tuổi 15-35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ theo mức độ 1 là 97,84%, mức độ 2 là 92,3%. Số người trong độ tuổi 15-60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ theo mức độ 1 là 95,82%, mức độ 2 là 77,36%.

k) Tại điểm b khoản 2 Điều 9, đề nghị làm rõ cơ sở đưa ra các tiêu chí để phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 1, Nội dung 2 (khác với tiêu chí tại tiết a và tiết b điểm 2.2 khoản 2 Phụ lục V Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Đối với nội dung 1. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Ban Dân tộc tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và phân công nhiệm vụ tại dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 của UBND tỉnh để đề xuất giao 100% nguồn vốn này cho Ban Dân tộc tỉnh.

- Đối với nội dung 2. Đào tạo đại học, sau đại học: Tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg thì tiêu chí phân bổ vốn cho đào tạo đại học, sau đại học được tính theo (i) xã đào tạo đại học và (ii) tỉnh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ. Để đảm bảo cho việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện nội dung này theo hướng huyện có nhu cầu đào tạo đại học, sau đại học nhiều thì được phân bổ vốn nhiều hơn; tránh tình trạng có huyện được phân bổ vốn nhưng không có nhu cầu đào tạo thì không sử dụng hết vốn, huyện có nhu cầu đào tạo nhiều nhưng không thể phân bổ vốn nhiều để thực hiện. Đối với số điểm cho mỗi tiêu chí được quy định trên cơ sở định mức hỗ trợ cho từng học viên đào tạo đại học, sau đại học trong dự thảo Thông tư hướng thực hiện nội dung này của Ủy ban Dân tộc với mức hỗ trợ: đào tạo đại học là 110 triệu đồng/sinh viên; đào tạo thạc sĩ là 125 triệu đồng/học viên; đào tạo tiến sĩ là 175 triệu đồng/học viên. Việc đưa ra tiêu chí này trong dự thảo Nghi quyết được vận dung theo tiêu chí phân bổ vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm co người lao động vùng DTTS và miền núi.

l) Đối với các nội dung đề nghị làm rõ cơ sở phân bổ vốn cho các Sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh nêu tại điểm l, m, n, o, p, q khoản 2 mục II của Báo cáo số 93/BC-HĐND ngày 30/6/2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo như sau: Cơ quan soạn thảo căn cứ nhiệm vụ của các Bộ ngành Trung ương tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, dự kiến phân công nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh tại dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 của UBND tỉnh; căn cứ các văn bản hướng dẫn thực hiện các Dự án, Tiểu dự án của một số Bộ ngành TW đã ban hành và chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh để đề xuất tỷ tệ phân bổ vốn nhằm đảm bảo các đơn vị này thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ban Dân tộc tỉnh kính báo cáo UBND tỉnh và Ban Dân tộc HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

BAN DÂN TỘC

Trần Văn Mẫn